| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN K**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**<br>Số 09/2021/QĐST-KDTM | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**<br><br>*Huyện K, ngày 09 tháng 12 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 09/2021/TLST–KDTM ngày 14/04/2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa,

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn*:

Công ty Cổ phần Kinh doanh E;

Trụ sở: Số A16- Lô BT06, KĐTM V, đường P, phường B, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là:

Ông Đinh Xuân Giang; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Kinh doanh E là:

Ông Hoàng Xuân N, sinh năm 1958; chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị, có mặt.

Nơi cư trú: Số 150 V 2, Nguyễn Q, phường D, quận A, thành phố Hà Nội.

Theo văn bản ủy quyền ngày 26/04/2021 của Công ty Cổ phần Kinh doanh E.

*Bị đơn*:

Công ty Cổ phần X;

Trụ sở: Số 150 P, thị trấn V, huyện K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là:

Ông Lê Minh O; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, có mặt.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác nhận Hợp đồng mua bán hàng hóa số 070518/HĐMB/TH-ĐL ngày 31/05/2018 và Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 310518/PLHD/TH-DL ngày 31/05/2018, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 110618/HĐMB/TH-ĐL ngày 11/06/2018, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 170718/HĐMB/TH-ĐL ngày 17/07/2018, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 300518/HĐMB/TH-ĐL ngày 30/05/2018, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 2410/HĐMB/TH-ĐL ngày 24/10/2018, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 191118/HĐMB/TH-ĐL ngày 19/11/2018, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 191118/HĐMB/TH-ĐL ngày 19/11/2018, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 2802/HĐMB/TH-ĐL ngày 28/02/2019, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 130919/HĐMB/TH-CKĐL ngày 13/09/2019, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 160919/HĐMB/TH-CKĐL ngày 16/09/2019 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số 180919/HĐMB/TH-CKĐL ngày 18/09/2019 được giao kết giữa Công ty cổ phần kinh doanh E và Công ty cổ phần X là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

2.2. Xác nhận số tiền gốc còn nợ, ngày đến hạn thanh toán, số ngày tính lãi và lãi suất quá hạn 10%/năm (tương đương 0,0274%/ngày) theo Bảng tính lãi số 3103BTL/TH-CKDL ngày 31/11/2021 do Công ty cổ phần kinh doanh E cung cấp là đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng mua bán hàng hóa và Phụ lục hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết.

2.3. Các bên xác nhận tính đến hết ngày 30/11/2021, Công ty cổ phần X còn nợ Công ty cổ phần kinh doanh E tổng số tiền là: 2.369.016.127 đồng, trong đó: Nợ tiền hàng: 1.851.569.227 đồng; tiền lãi chậm trả: 517.446.900 đồng.

2.4. Xác nhận Công ty cổ phần X có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần kinh doanh E tổng số tiền là: 2.369.016.127 đồng, trong đó: Nợ tiền hàng: 1.851.569.227 đồng; tiền lãi chậm trả: 517.446.900 đồng.

Trường hợp đến hết tháng 12/2021, Công ty cổ phần X thanh toán hết cho Công ty cổ phần kinh doanh E khoản nợ tiền hàng là 1.851.569.227 đồng thì Công ty cổ phần X chỉ pO thanh toán số tiền lãi chậm trả là 190.000.000 đồng.

Trường hợp đến hết tháng 03/2022, Công ty cổ phần X thanh toán hết cho Công ty cổ phần kinh doanh E khoản nợ tiền hàng là 1.851.569.227 đồng thì Công ty cổ phần X chỉ pO thanh toán số tiền lãi chậm trả là 390.000.000 đồng.

Trường hợp Công ty cổ phần X không thanh toán được tiền cho Công ty cổ phần kinh doanh E theo 02 phương án nêu trên thì kể từ ngày 01/12/2021 cho đến khi thanh toán xong số tiền hàng còn nợ, Công ty cổ phần X còn pO thanh toán tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần X chịu 39.690.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty cổ phần kinh doanh E 38.650.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Công ty cổ phần kinh doanh E đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0072536 ngày 14/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pO thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

**<u>Nơi nhận</u>:**
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Như Trọng**